



BẢN TIN PHÁP LUẬT
Tháng 07-2018

TRONG SỐ NÀY

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

- Hỏi đáp về chính sách thuế
- Các công văn liên quan đến chính sách thuế

VĂN BẢN QUẢN LÝ VỀ NHÀ NƯỚC

- Nghị định số 66 ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của kiểm toán nhà nước
- Thông tư 06/2018/TT-BNV ngày 31 tháng 5 năm 2018 về hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Hỏi đáp

Hỏi:

Kính gửi cơ quan Thuế, Hiện nay tôi đang ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ với 1 công ty TNHH nước ngoài về việc thực hiện tư vấn giám sát. Trong quá trình làm việc có đi công tác tại các tỉnh thực hiện giám sát và có lấy các hóa đơn Giá trị gia tăng cho đi lại (máy bay, ô tô). Công ty có trả tiền khoán công tác phí cho thuê khách sạn, tiền ăn (theo quy định của công ty). Vậy kính mong cơ quan thuế trả lời giúp khi tính thuế Thu nhập cá nhân, các khoản công ty hoàn trả tiền mua vé máy, thuê ô tô và tiền công tác phí có phải là khoản thu nhập được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân không. Xin trân trọng cảm ơn.

Trả lời:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số Căn cứ hướng dẫn nêu trên, trường hợp Độc giả là cá nhân cư trú ký hợp đồng cung ứng dịch vụ (không phải là hợp đồng lao động) với Công ty TNHH nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) về việc thực hiện tư vấn giám sát, theo thỏa thuận Công ty chi trả cho Độc giả khoản tiền công tác phí (tiền vé máy bay, ô tô, tiền ở khách sạn, tiền ăn) thì các khoản tiền công tác phí này phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.

Trường hợp còn vướng mắc, đề nghị Độc giả liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được giải đáp. 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân quy định các khoản thu nhập chịu thuế

+ Tại Khoản 2 Điều 2 quy định các khoản thu nhập chịu thuế

“Điều 2. Các khoản thu nhập chịu thuế

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP, các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm:

...2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công

Thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm:

...đ) Các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả mà người nộp thuế được hưởng dưới mọi hình thức:

...đ.4) Phần khoán chi văn phòng phẩm, công tác phí, điện thoại, trang phục,... cao hơn mức quy định hiện hành của Nhà nước. Mức khoán chi không tính vào thu nhập chịu thuế đối với một số trường hợp như sau:

đ.4.1) Đối với cán bộ, công chức và người làm việc trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, Hội, Hiệp hội: mức khoán chi áp dụng theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

đ.4.2) Đối với người lao động làm việc trong các tổ chức kinh doanh, các văn phòng đại diện: mức khoán chi áp dụng phù hợp với mức xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

đ.4.3) Đối với người lao động làm việc trong các tổ chức quốc tế, các văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài: mức khoán chi thực hiện theo quy định của Tổ chức quốc tế, văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài. ”

căn cứ hướng dẫn nêu trên, trường hợp. Độc giả là cá nhân cư trú ký hợp đồng cung ứng dịch vụ (không phải là hợp đồng lao động) với Công ty TNHH nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) về việc thực hiện tư vấn giám sát, theo thỏa thuận Công ty chi trả cho Độc giả khoản tiền công tác phí (tiền vé máy bay, ô tô, tiền ở khách sạn, tiền ăn) thì các khoản tiền công tác phí này phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN

Hỏi :

Kính gửi Bộ Tài Chính! Tôi có một vấn đề thắc mắc liên quan đến việc giảm trừ thuế TNCN rất mong được Bộ Tài Chính giải đáp. Cụ thể như sau: Công ty tôi được thành lập ngày 27/04/2018 (Giấy chứng nhận đầu tư ngày 24/7/2017) tại Khu công

ngiệp Trảng Duệ, Huyện An Dương, Thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Căn cứ theo điều 16 Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 quy định về ưu đãi đầu tư với khu công nghiệp và khu kinh tế có quy định : "5. Giảm 50% thuế thu nhập đối với người có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập, kể cả người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại khu kinh tế." Tuy nhiên, căn cứ theo Điều 24 Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 quy định về ưu đãi đầu tư với khu công nghiệp và khu kinh tế đã bỏ quy định về việc ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập đối với người có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập, kể cả người VN và người nước ngoài làm việc tại khu kinh tế. Nghị định 82/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ 10/07/2018, thay thế hoàn toàn Nghị định 29/2008/NĐ-CP.

1. Căn cứ theo quy định trên, từ ngày 10/07/2018 công nhân viên làm việc tại trụ sở Công ty tôi (làm việc tại khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải) từ ngày 10/07/2018 có tiếp tục được hưởng ưu đãi miễn giảm 50% thuế TNCN phát sinh từ phần thu nhập nhận được do làm việc tại Công ty tôi không?

2. Trường hợp trên Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty tôi có thể hiện một trong những ưu đãi được hưởng của Công ty tôi là "Miễn giảm 50% thuế thu nhập đối với người có thu nhập thuộc diện chịu thuế TNCN" làm việc cho Công ty thì các cán bộ, công nhân viên làm việc tại Công ty tôi có tiếp tục được hưởng ưu đãi từ 10/07/2018 không? Tôi rất mong sớm nhận được phản hồi của Bộ Tài Chính để làm cơ sở tính lương và khấu trừ thuế TNCN, đảm bảo quyền lợi và nghĩa của toàn thể cán bộ công nhân viên đang làm việc tại Công ty. Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Trả lời:

Theo quy định tại nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu Công nghiệp, Khu chế xuất và khu kinh tế thì cá nhân có thu nhập từ tiền lương tiền công được giảm 50% thuế thu nhập đối với thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập, kể cả người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại Khu kinh tế. Căn cứ xác định đối tượng và thu nhập được giảm thuế trong Khu kinh tế được thực hiện theo quy định tại Thông tư 128/2014/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2014 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc giảm thuế TNCN đối với các nhân viên làm việc tại Khu kinh tế.

Thủ tục kê khai thuế, quyết toán thuế thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/01/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế.

Từ ngày 10/07/2018, Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính Phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế có hiệu lực thi hành, đồng thời Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính Phủ hết hiệu lực; theo đó cá nhân có thu nhập từ tiền lương tiền công thực hiện nghĩa vụ thuế TNCN theo quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân hiện hành.

Tuy nhiên, để được hướng dẫn cụ thể thêm, đề nghị độc giả theo dõi thực hiện khi có Thông tư của Bộ Tài chính hoặc văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thuế

2. Các công văn trả lời về thuế

Công văn số 1992/TCT-CS ngày 24/5/2018 thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động cung ứng dịch vụ cho doanh nghiệp chế xuất

Trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ tư vấn doanh nghiệp chế xuất, nếu dịch vụ tiêu dùng trong khu phi thuế quan và đáp ứng các điều kiện tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính thì được áp dụng thuế suất GTGT 0% theo quy định.

Trường hợp Công ty cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất các dịch vụ: Quan hệ với các phương tiện truyền thông, theo dõi và báo cáo về các phương tiện truyền thông để quản lý việc quảng bá hình ảnh, PR các sự kiện và kiểm soát thông tin về doanh nghiệp chế xuất tại các phương tiện truyền thông ở Việt Nam thì các dịch vụ này được thực hiện và tiêu dùng tại Việt Nam (ngoài khu phi thuế quan) thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thuế suất 10%.

Công văn số 2046/TCT-CS ngày 28/5/2018 giải đáp chính sách thu lệ phí trước bạ

Trường hợp doanh nghiệp được nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh gồm nhiều phần diện tích đất có mục đích sử dụng khác nhau để xây dựng các hạng mục công trình có mục đích sử dụng khác nhau, nay doanh nghiệp đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tài sản gắn liền với đất thì mức thu lệ phí trước bạ được tính tối đa là 500 triệu đồng trên một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (cấp mới hoặc cấp bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận).

Công văn số 2206/ TCT – CS ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Tổng cục thuế về việc thuế GTGT

Tổng cục thuế nhận được công văn số 958 /CT-TTHT ngày 3 tháng 1 năm 2018 của Cục thuế TP Hồ Chí Minh về thuế GTGT khi chuyển đổi doanh nghiệp.

Căn cứ vào các quy định của nhà nước, Tổng cục Thuế thống nhất với ý kiến đề xuất của Cục thuế TP Hồ Chí Minh: Trường hợp Công ty Tân Đại Dương thực hiện chuyển đổi từ loại hình Công ty TNHH hai thành viên sang loại hình công ty cổ phần theo đúng quy định về chuyển đổi loại hình doanh nghiệp quy định tại Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 mà bên tiếp nhận kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp trước khi chuyển đổi (mã số doanh nghiệp không đổi), khi chuyển đổi sở hữu nếu có thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết thì được chuyển sang khấu trừ kỳ sau, hoặc được giải quyết hoàn thuế theo đúng quy định.

Trường hợp trước khi chuyển đổi Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Tân Đại Dương có số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết thuộc trường hợp không được hoàn thuế theo quy định tại Luật số 106/2016/QH13, Nghị định 100/2016/NĐ-CP và Thông tư số 130/2016/TT-BTC thì sau khi chuyển đổi (kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp trước khi chuyển đổi) được tiếp tục kê khai khấu trừ không được hoàn.

Công văn số 2232/TCT – CS ngày 5 tháng 6 năm 2018 của Tổng cục thuế về việc hóa đơn

Tổng cục thuế nhận được công văn số 4618/VPCP-ĐMDN ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ chuyển kiến nghị của Công ty cổ phần Tư vấn Đô thị Việt Nam về việc lập hóa đơn cho nhà thầu phụ. Vấn đề nay Tổng cục thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ điểm a khoản 7 thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2015. Về nguyên tắc người bán phải lập hóa đơn cho người mua, trường hợp nhà thầu phụ ký hợp đồng và chịu trách nhiệm với nhà thầu chính thì nhà thầu phụ thực hiện xuất hóa đơn GTGT cho nhà thầu chính. Đề nghị Công ty cổ phần Tư vấn Đô thị Việt Nam nghiên cứu quy định trên và liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn cụ thể.

Công văn số 2351/TCT-CS ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Tổng cục thuế về việc DN chế xuất thực hiện gia công cho DN nội địa

Công ty TNHH một thành viên Chubu Rika Long Hậu (doanh nghiệp chế xuất nằm trong khu chế xuất) nhận sản xuất và gia công sản phẩm cho các doanh nghiệp nội địa thì Tổng cục Thuế thống nhất với ý kiến xử lý về việc kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng đối với doanh thu từ hoạt động gia công với các doanh nghiệp nội địa của Cục Thuế tỉnh Long An tại công văn số 2164/CT-TTHT ngày 13 tháng 9 năm 2017. Việc đăng ký phương pháp tính thuế và hóa đơn thực hiện theo quy định.

Công văn số 2428/TCT – TNCN ngày 19 tháng 6 năm 2018 về việc hướng dẫn thuế TNCN đối với cá nhân tham gia Đề án cấp quốc gia có sử dụng nguồn kinh phí của Nhà nước.

Tại điểm c Khoản 2 Điều Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn các khoản thu nhập được tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân;

Căn cứ vào thông tư trên, trường hợp các cá nhân nhận được khoản thu nhập khi tham gia các Đề án có sử dụng nguồn kinh phí của Nhà nước như: Đề án “ Nghiên cứu biên soạn Bộ lịch sử Việt Nam; Đề án “ Nghiên cứu khu di tích bảo tồn khảo cổ học Óc Eo – Ba Thê, Nền Chùa” và Đề án “ Xây dựng bộ Địa chí Quốc gia Việt Nam “ thì các khoản thu nhập này thuộc diện thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công.

Công văn số 2429/TCT- ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Tổng cục thuế về cách tính thuế thu nhập chịu thuế từ tiền thuê nhà

Cách tính tiền nhà cho thuế thu nhập cá nhân:

Căn cứ điểm 4 Điều 7 Chương II Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ tài chính.

Căn cứ Khoản 1 Điều 14 Chương III Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 sửa đổi bổ xung điểm a khoản 4 Điều 7 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ tài chính.

Trường hợp Văn phòng thỏa thuận trả lương cho người lao động theo hình thức lương có bao gồm thuế và và các khoản lợi ích khác Văn phòng trả hộ (thuê nhà) theo hình thức lương không bao gồm thuế thì Văn phòng thực hiện quy đổi khoản lợi ích khác Văn phòng trả hộ (thuê nhà) (NET) sang thu nhập có thuế, trước khi xác định tiền thuê nhà được tính vào thu nhập chịu thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 92/2014/TT-BTC ngày 15/06/2015. Sau đó Văn phòng tổng hợp số tiền thuê nhà

được xác định như nêu trên với khoản tiền lương (GROSS) mà người lao động được nhận để tính ra số tiền thuế TNCN mà người nộp thuế phải nộp trong kỳ.

Công văn số 2451/TCT – CS ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tổng cục thuế về việc Hóa đơn điện tử.

Trả lời công văn số 4558/CT-QLAC ngày 29/01/2018 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về sử dụng hóa đơn điện tử, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau: Căn cứ vào các quy định của nhà nước, Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) đang xây dựng dự thảo Nghị định về hóa đơn, chứng từ điện tử thay thế và xây dựng hệ thống hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/06/2017 của Chính phủ. Do vậy, đề nghị Cục Thuế thành phố Hà Nội hướng dẫn các doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao về thuế mua hóa đơn trong thời gian 12 tháng. Hết thời gian 12 tháng, căn cứ tình hình sử dụng hóa đơn, việc kê khai, nộp thuế của doanh nghiệp và đề nghị của doanh nghiệp, trong thời hạn 02 ngày làm việc, cơ quan thuế có văn bản thông báo doanh nghiệp chuyển sang tự tạo hóa đơn để sử dụng (tự tạo hóa đơn theo hình thức tự in, đặt in, hoặc hóa đơn điện tử theo Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 của Bộ Tài chính) hoặc tiếp tục mua hóa đơn của cơ quan thuế nếu không đáp ứng điều kiện.

Công văn số 2465/TCT – TNCN ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tổng cục thuế về việc thuế TNCN đối với thu nhập của cá nhân không cư trú

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 10257/CT-TTHT ngày 19/03/2018 của Cục Thuế thành phố Hà Nội đề nghị hướng dẫn về chính sách thuế TNCN đối với cá nhân nước ngoài không cư trú làm việc cho VPĐD Tổ chức World Wide Fund For Nature tại Việt Nam (WWF) và Trung tâm vệ tinh quốc gia (nay là Trung tâm vũ trụ Việt Nam). Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ các quy định của nhà nước, trường hợp của VPĐD WWF ký hợp đồng với cá nhân nước ngoài hiện diện tại Việt Nam để thực hiện việc khảo sát tại nước ngoài cho dự án “nghiên cứu việc bảo vệ nguồn nước và năng lượng tại Thái Lan,

Lào, Campuchia”; trường hợp Trung tâm Vệ tinh Quốc gia (nay là Trung tâm Vũ trụ Việt Nam) thuê cá nhân người nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam để thực hiện việc thu thập dữ liệu tại Philippines thì thu nhập của các cá nhân đó thuộc diện phải chịu thuế TNCN tại Việt Nam do đã đáp ứng các điều kiện sau:

- Mặc dù cá nhân không hiện tại Việt Nam nhưng công việc mà cá nhân thực hiện phát sinh tại Việt Nam nên thu nhập mà cá nhân nhận được từ công việc đó được xác định là thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

- Khi áp dụng các nguyên tắc của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì VPDD WWF và Trung tâm Vệ tinh Quốc gia là đối tượng cư trú tại Việt Nam đồng thời được xác định là chủ lao động thực sự của cá nhân vì đã đáp ứng các điều kiện theo quy định như: là đối tượng có quyền đối với sản phẩm và dịch vụ do cá nhân tạo ra, là đối tượng đưa ra hướng dẫn, có quyền kiểm soát và chịu trách nhiệm về địa điểm lao động của cá nhân.

Công văn số 3264/TXNK – CST ngày 20 tháng 06 năm 2018 của Cục thuế xuất nhập khẩu về việc Xử lý thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để SX XK

Cục Thuế xuất nhập khẩu nhận được công văn số 7439/HQHP-TXNK ngày 08/6/2018 của Cục Hải quan TP. Hải Phòng đề nghị hướng dẫn xử lý thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu. Về vấn đề này, Cục Thuế xuất nhập khẩu có ý kiến như sau:

Căn cứ các quy định của nhà nước, trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để sản xuất hàng xuất khẩu nhưng không trực tiếp sản xuất toàn bộ hàng xuất khẩu mà đưa một phần hoặc toàn bộ hàng hóa đã nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công một hoặc một số công đoạn sau đó nhận lại sản phẩm sau gia công để tiếp tục sản xuất và xuất khẩu sản phẩm hoặc đưa hàng hóa nhập khẩu vào sản xuất, sau đó thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công một hoặc một số công đoạn, nhận lại sản phẩm sau gia công để tiếp tục sản xuất và hoặc xuất khẩu sản phẩm thì không đáp ứng cơ sở xác định hàng hóa được miễn thuế theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-

CP nên không được miễn thuế nhập khẩu đối với phần hàng hóa nhập khẩu đưa đi gia công.

Công văn số 3762/TCHQ – TXNK ngày 27 tháng 6 năm 2018 về việc thực hiện nội dung miễn thuế tại thông tư số 38/ 2015/TT-BTC:

Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính đã có hiệu lực từ ngày 05/6/2018. Nhằm tạo thuận lợi cho các Cục Hải quan tỉnh, thành phố trong quá trình thực hiện và áp dụng thống nhất các quy định về miễn thuế tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Thông tư số 39/2018/TT-BTC, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

Căn cứ Điều 5 đến Điều 31 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 103 đến Điều 106 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư 191/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính;

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2019 của Bộ Tài chính.

Tổng cục Hải quan thông báo các nội dung quy định tại Điều 103, Điều 104, Điều 105, Điều 106 Thông tư số 38/2015/TT-BTC đã được quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP hoặc không phù hợp với quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Điều 103: Khoản 1 đến khoản 21; điểm b, d, đ khoản 22.
2. Điều 104: Khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9 và khoản 12.
3. Điều 105: Khoản 1; điểm a.2, điểm b,3 khoản 2; khoản 3 (thực hiện theo quy định tại Thông tư 191/2015/TT-BTC).
4. Điều 106: Điểm c.3 khoản 4.

Tổng cục Hải quan thông báo để các Cục Hải quan tỉnh, thành phố được biết và áp dụng thống nhất./.

Công văn số 3501/TXNK – CST ngày 28 tháng 06 năm 2018 của Cục thuế xuất nhập khẩu về việc chính sách thuế NK

Cục Thuế xuất nhập khẩu nhận được công văn số 916/HQHT-NV ngày 19/6/2018 của Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh vướng mắc về chính sách thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ dự án đầu tư mở rộng của Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa. Về vấn đề này, Cục Thuế xuất nhập khẩu có ý kiến, như sau:

Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định hàng hóa nhập khẩu tạo tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư được miễn thuế nhập khẩu, quy định này áp dụng cho cả dự án đầu tư mở rộng; không quy định miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để thay thế, đổi mới công nghệ của dự án ưu đãi đầu tư.

Đề nghị Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh căn cứ quy định đối chiếu nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa, trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thể hiện Dự án Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương của Công ty là dự án đầu tư mở rộng thì thực hiện miễn thuế theo quy định cho hàng hóa nhập khẩu của dự án. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không ghi các nội dung thể hiện Dự án Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương của Công ty là dự án đầu tư mở rộng thì Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh hướng dẫn Công ty liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để được ghi đầy đủ các nội dung theo quy định trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư làm cơ sở để cơ quan hải quan áp dụng chính sách thuế cho doanh nghiệp.

Công văn số 3502/TXNK – CST ngày 28 tháng 06 năm 2018 về việc Chính sách thuế sản phẩm xuất khẩu, từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải:

Trả lời công văn số 1587/HQHCM-TXNK ngày 18/6/2018 của Cục Hải quan.TP. Hồ Chí Minh về chính sách thuế đối với sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải, Cục Thuế xuất nhập khẩu có ý kiến như sau:

Căn cứ các quy định của nhà nước, kể từ ngày 01/9/2016, sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải thuộc đối tượng miễn thuế theo quy định tại điểm b khoản 19 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13.

Công văn số 47484/CT-TTHT ngày 9 tháng 7 năm 2018 về việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân trong thời gian thử việc.

Theo Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khấu trừ thuế và chứng từ khấu trừ thuế. Trường hợp Công ty ký Hợp đồng thử việc với người lao động:

Trường hợp sau khi kết thúc Hợp đồng thử việc trên, Công ty ký hợp đồng lao động từ ba (03) tháng trở lên với người lao động thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN theo Biểu thuế lũy tiến từng phần trước khi chi trả cho người lao động tính cả thời gian thử việc.

Trường hợp sau khi kết thúc Hợp đồng thử việc, Công ty không ký Hợp đồng lao động với người lao động thì Công ty phải khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% khi chi trả đối với khoản thu nhập của người lao động trong thời gian thử việc từ 02 triệu đồng/lần trở lên.

Trường hợp trong năm quyết toán thuế người lao động chỉ có duy nhất thu nhập thuộc đối tượng phải khấu trừ theo tỷ lệ 10% nhưng ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của người lao động sau khi trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế thì người lao động cam kết theo mẫu số 02/CK-TNCN ban hành kèm Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính gửi Công ty. Căn cứ vào cam kết của người lao động, Công ty tạm thời chưa khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% khi chi trả thu nhập cho người lao động. Người lao động phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam kết của mình và phải có mã số thuế tại thời điểm cam kết, trường hợp phát hiện có sự gian lận sẽ bị xử lý theo quy định của Luật quản lý thuế.

VĂN BẢN QUẢN LÝ VỀ NHÀ NƯỚC

Nghị định số 66 ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của kiểm toán nhà nước

Nghị định này quy định về chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Kiểm toán nhà nước theo quy định tại Phụ lục số 6 Nghị quyết số 325/2016/UBTVQH14 ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Nghị định này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Kiểm toán nhà nước, gồm:

- a) Cán bộ, công chức, viên chức của Kiểm toán nhà nước.
- b) Người lao động hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

Chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Kiểm toán nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 325/2016/UBTVQH14 ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản quy định, hướng dẫn về tiền lương của Chính phủ.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 và áp dụng từ năm ngân sách 2017.

2. Nghị định số 162/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về chế độ tiền lương, chế độ trang phục đối với cán bộ, công chức, viên chức kiểm toán nhà nước và chế độ ưu tiên đối với kiểm toán viên nhà nước; Nghị định số 32/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ và Nghị định số 02/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị

định số 162/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Thông tư 06/2018/TT-BNV ngày 31 tháng 5 năm 2018 về hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2018.

2. Mức lương, phụ cấp (kể cả hệ số chênh lệch bảo lưu, nếu có) và hoạt động phí của các đối tượng quy định tại Điều 1 Thông tư này được tính theo mức lương cơ sở 1.390.000 đồng/tháng từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

Theo đó, cách tính lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức nhà nước từ ngày 01/7/2018 như sau:

- Mức lương = 1.390.000 đồng/tháng x Hệ số lương hiện hưởng

- Mức phụ cấp:

+ Các khoản phụ cấp tính theo lương cơ sở = 1.390.000 đồng/tháng x Hệ số phụ cấp hiện hưởng

+ Các khoản phụ cấp tính theo % mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) = [mức lương + mức phụ cấp chức vụ (nếu có) + mức phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)] X Tỷ lệ % phụ cấp.

+ Các khoản phụ cấp quy định bằng mức tiền cụ thể thì giữ nguyên theo quy định hiện hành.

- Mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) = 1.390.000 đồng/tháng x Hệ số chênh lệch bảo lưu.

3. Thông tư này thay thế Thông tư số 02/2017/TT-BNV ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội.

4. Các khoản trích và các chế độ được hưởng tính theo mức lương cơ sở được tính lại tương ứng từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

Các đối tượng được áp dụng theo thông tư này:

1. Cán bộ, công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

2. Công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý và viên chức hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

3. Cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, biệt phái đến làm việc tại các hội, tổ chức phi Chính phủ, dự án và cơ quan, tổ chức quốc tế đặt tại Việt Nam theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ).

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp hưởng hoạt động phí theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Người làm việc trong tổ chức cơ yếu.

7. Các đối tượng sau đây cũng thuộc phạm vi áp dụng Thông tư này khi tính toán xác định mức đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và giải quyết các chế độ liên quan đến tiền lương theo quy định của pháp luật:

a) Cán bộ, công chức, viên chức đi học, thực tập, công tác, điều trị, điều dưỡng trong nước và ngoài nước thuộc danh sách trả lương của cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động;

b) Người đang trong thời gian tập sự hoặc thử việc (kể cả tập sự công chức cấp xã) trong cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động;

c) Cán bộ, công chức, viên chức đang bị tạm đình chỉ công tác, đang bị tạm giữ, tạm giam;

d) Các trường hợp làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động được ký kết hợp đồng lao động theo bảng lương ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc Văn
phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi,
Q. Thanh Xuân
TP. Hà Nội

Phone: 024 3783 2121
Fax: 024 3783 2122

CN. MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà
Hoàng Anh Safomec,
7/1 Thanh Thai, P.14,
Q.10
TP. Hồ Chí Minh

Phone: 028 3832 9969
Fax: 028 3832 9959

CN. MIỀN BẮC

Số 97, Phố Trần Quốc
Toản, Phường Trần
Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 73061268
Fax: 024 7306 1269

VP. ĐẠI DIỆN

Tầng 16, Tòa nhà
T01-C37 Bắc Hà,
Đường Tố Hữu,
Quận Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 6666 6368
Fax: 024 6666 6368